TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH HẢI DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 20/2024/HS-ST
Ngày: 28/3/2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Đăng Huy
Thẩm phán: Ông Nguyễn Hải Bằng
Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Huyên
Ông Hoàng Anh Tùng
Bà Dương Thị Kim Hồng

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Vũ Thị Mai Trang - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Mạnh và bà Phạm Thị Yến - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 3 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 04/2024/TLST-HS ngày 30 tháng 01 năm 2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 19/2024/QĐXXST-HS ngày 14 tháng 3 năm 2024 đối với bị cáo:

Nguyễn Văn D, sinh năm 1970 tại tỉnh Hải Dương; nơi đăng ký thường trú: Khu E, phường H, thành phố H, tỉnh Hải Dương; nơi ở: Số A C, phường N, thành phố H, tỉnh Hải Dương; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa (học vấn): 5/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn D1 (đã chết) và bà Lê Thị H; có vợ là Phạm Thị M và 02 con; tiền án, tiền sự: Không; bị tạm giữ từ ngày 08/5/2023 đến ngày 17/5/2023 chuyển tạm giam đến nay tại Trại tạm giam Công an tỉnh H; có mặt.

Người đại diện hợp pháp của bị cáo: Chị Nguyễn Kim A, sinh năm 1997; địa chỉ: 2 Y, khu F, phường H, thành phố H, tỉnh Hải Dương (con đẻ của bị cáo); có mặt

Người bào chữa cho bị cáo: Luật sư Lưu Thị H1 - Văn phòng luật sư Tâm Đức P thuộc Đoàn luật sư tỉnh H; địa chỉ: Số C L, thành phố H, tỉnh Hải Dương. Có mặt

Bị hại: Anh Lê Quảng L, sinh năm 1970 (đã chết)

Người đại diện hợp pháp của bị hại:

1. Ông Lê Xuân T, sinh năm 1933 (bố anh L); địa chỉ: Ngõ A N, khu A, phường N, thành phố H, tỉnh Hải Dương; vắng mặt

2. Chị Hà Thị N, sinh năm 1974 (vợ anh L); địa chỉ: Tổ dân phố Đ, phường B, thị xã M, tỉnh Hưng Yên; có mặt

3. Cháu Lê Hoàng A1, sinh năm 1993 (con anh L); Số A N, phường N, thành phố H, tỉnh Hải Dương; có mặt

4. Cháu Lê Hoàng Minh A2, sinh năm 2003 (con anh L); địa chỉ: Xã A, huyện T, thành phố Hải Phòng; có mặt

5. Cháu Lê Hà Tùng L1, sinh năm 2011 (con anh L); địa chỉ: Tổ dân phố Đ, phường B, thị xã M, tỉnh Hưng Yên; có mặt

Người giám hộ cho cháu L1: Chị Hà Thị Như . Có mặt

Người đại diện theo ủy quyền của người đại diện hợp pháp của bị hại: Bà Lê Thị C, sinh năm 1967; địa chỉ: Ngõ A N, khu A, phường N, thành phố H, tỉnh Hải Dương. Có mặt

- ***Người làm chứng***:

1. Bà Nguyễn Thị T1, sinh năm 1962;

2. Bà Phạm Thị N1, sinh năm 1976;

3. Anh Đinh Ngọc Q, sinh năm 1978;

4. Anh Vương Xuân N2, sinh năm 1977;

Những người làm chứng đều vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Anh Lê Quảng L, sinh năm 1970 sống một mình ở số nhà A N, phường N, thành phố H, nghiện rượu thường tụ tập bạn bè uống rượu tại nhà. Nguyễn Văn D là đối tượng nghiện rượu, mắc bệnh rối loạn hành vi do trực tiếp sử dụng rượu, D thường đến nhà anh L uống rượu cùng với anh Vương Xuân N2, sinh năm 1977, trú tại: Số B N, phường T và ông Nguyễn Văn S, sinh năm 1963, trú tại: Số E C, phường N (là chú của D).

Do có hẹn từ trước nên khoảng 17 giờ ngày 06/5/2023, anh N2 đi xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave, biển số 29Z1-199.40 chở ông S đến nhà anh L uống rượu. Khi đến, ông S gọi cửa nhưng không thấy anh L ra mở cửa nên bỏ đi bộ về, còn anh N2 vào nhà anh L. Một lúc sau, D đi xe đạp điện màu đen, giỏ xe bằng kim loại màu đen, dựng xe trong sân nhà anh L. Sau đó, anh L mang can nhựa màu vàng loại 05 lít cùng anh N2 sang nhà chị gái là bà Lê Thị C, sinh năm 1967, ở gần đó (ngõ A N, P. N) xin rượu, bà C cho đầy can. Đến khoảng 18

giờ cùng ngày, anh L và anh N2 mang rượu về cùng D cùng ngồi uống rượu với thịt vịt nướng tại nền nhà phòng khách, tầng 1 của nhà anh L. Quá trình uống rượu, giữa anh L và D xảy ra mâu thuẫn cãi chửi nhau, anh L dùng dép tát vào mặt D khoảng 04 - 05 nhát, còn D dùng tay tát lại vào mặt anh L 01 nhát nhưng được anh N2 can ngăn nên mọi người lại tiếp tục uống rượu. Đến khoảng 22 giờ 30 phút cùng ngày, anh N2 đi về, còn anh L và D vẫn ngồi uống rượu. Sau đó, do say rượu nên D nằm ngủ trên ghế sô pha, còn anh L nằm ngủ dưới nền nhà.

Sáng ngày 07/5/2023, D và anh L ngủ dậy, tiếp tục uống rượu và xảy ra cãi chửi nhau. Khoảng hơn 07 giờ anh L đứng dậy, đi ra phía ngoài cửa, vừa đi vừa chửi và đuổi D về. Do bực tức nên D dùng tay phải cầm bình đun nước bằng thuỷ tinh (không có nắp và quai), ném về phía người anh L nhưng không trúng mà rơi ra sân, bị vỡ. Sau đó, anh L và D chửi nhau, D lao vào giằng co với anh L tại sân cửa nhà. D chạy vào trong nhà, nhặt trên nền nhà 01 con dao gọt hoa quả, loại dao Thái Lan dài khoảng 20cm, một lưỡi bằng kim loại màu trắng, nhọn ở đầu, chuôi dao bằng nhựa màu đen, cầm dao bằng tay phải, đi ra sân đâm anh L theo hướng từ phải sang trái trúng cổ phải anh L làm anh L ngã. Sau khi đâm anh L, D cầm theo con dao đi vào nhà vệ sinh phía trong tầng 1 rửa tay, rồi đi ra phía ngoài phòng khách, thì thấy 01 chiếc điện thoại hiệu S1 A03 Core màu đen, lắp sim số 0896.643.625 của anh L, trị giá 1.800.000 đồng để trên ghế sô pha nên đã lấy chiếc điện thoại, dắt xe đạp điện rời khỏi hiện trường, đi về hướng bên phải cổng nhà anh L. Đi được một đoạn, D dừng lại và lấy điện thoại ra để bấm máy gọi người đến cấp cứu cho anh L nhưng do say rượu không bấm gọi được nên tiếp tục cho điện thoại vào túi quần và đi. Khoảng 07 giờ 48 phút D đi xe điện đến trước số nhà C N thì gặp anh Đinh Ngọc Q, sinh năm 1978, D đi qua rồi quay xe lại nói với anh Q là "Công an phường ở đâu", "đâm chết người rồi, máu me be bét, báo hộ Công an", anh Q chỉ tay về phía đường ra Công an phường, D đi xe theo hướng anh Q chỉ. Sau đó mọi người phát hiện anh L chết và báo Công an. Du đi xe điện quay lại nhà L, để xe điện lại hiện trường rồi tự nguyện cùng lực lượng Công an về trụ sở làm việc đầu thú về hành vi của mình.

Khám nghiệm hiện trường hồi 09 giờ ngày 07/5/2023 xác định: Hiện trường vụ án tại nhà số A ngõ A đường N, P. N, TP ., tỉnh Hải Dương, cửa nhà hướng Bắc.

Vị trí phát hiện nạn nhân nằm giữa phần cửa mở trong tư thế nằm ngửa, tay duỗi thẳng theo thân người trên nền phòng khách, phần chân từ đầu gối xuống dưới thõng hờ xuống bậc lên xuống của sân và nhà. Đầu nạn nhân quay vào trong nhà hướng N3. Nạn nhân cởi trần, mặc quần lửng màu đen, toàn thân dính chất màu nâu nghi máu, trên cổ có vết thương. Tại vị trí đầu, cổ nạn nhân có dấu vết màu nâu nghi máu dạng vũng. Tại đầu trên vết này có nhiều dấu vết

màu nâu nghi máu in hằn dạng giày dép hướng từ ngoài vào trong vết rõ nhất có chiều dài 24cm, rộng nhất phần mũi là 08cm, rộng nhất phần gót là 6,5cm, còn nhận rõ các vết in hằn theo chiều ngang, song song lẫn nhau.

Kiểm tra dưới gầm bàn bếp thấy: Tại góc tường phía Tây Nam có 01 bể ngầm, không có nắp đậy, mực nước tại thời điểm khám nghiệm cao so với đáy khoảng 0,7m. Tại dưới đáy bể, sát góc tường phía Nam phát hiện thấy 01 con dao bằng kim loại màu trắng, nằm dọc theo tường phía Nam. Tiến hành lấy con dao khỏi bể thấy: Dao mang nhãn hiệu KIWI có chuôi màu đen, lưỡi màu trắng có chiều dài 21,5cm, phần lưỡi dài 11,2cm, bản rộng nhất 2,2cm. Trên bề mặt dao trạng thái sạch.

Tại ngách của ngõ A N, giữa nhà số A và 16 thấy có để 01 xe đạp điện màu đen quay đầu hướng Nam. Tại bánh trước, trên bề mặt lốp xe có bám dính nhiều dấu vết màu nâu nghi máu. Xung quanh vành xe trước, càng trước bên trái, càng trước bên phải, khung xe phía trước, bình điện, vành xe sau có dấu vết màu nâu nghi máu dạng máu bắn. Trên mặt bàn đạp trái có bám dính dấu vết màu nâu nghi máu.

Khám nghiệm tử thi hồi 12 giờ 30 ngày 07/5/2023 xác định: Tử thi nam giới, thể trạng trung bình, chiều dài đỉnh - gót 174cm. Tử thi không mặc áo, trạng thái cởi trần, mặc quần sooc lửng màu đen, trạng thái ngấm máu, quần không có vết rách vải nghi vấn, kiểm tra túi quần có 1 tờ tiền mệnh giá 100.000 đồng.

Khu vực cổ phải sát góc hàm phải có vết thương rách da, bờ mép vết thương sắc gọn. Lòng bàn tay, bàn chân hai bên dính máu.

Mổ kiểm tra vết thương vùng cổ thấy: Tổ chức dưới da và cơ tụ máu, ngấm máu. Vết thương làm đứt bán phần cơ ức đòn chũm bên phải, đứt hoàn toàn động mạch cảnh phải.

Kết luận giám định nguyên nhân chết số 118/KLGĐTT-KTHS ngày 12/5/2023 của Phòng K - Công an tỉnh H đối với nạn nhân Lê Quảng L, xác định:

- Nguyên nhân chết: Mất máu cấp (do vết thương vùng cổ phải đứt động mạch cảnh phải).

- Cơ chế, chiều hướng: Vết thương vùng cổ phải của anh Lê Quảng L có hướng từ trái sang phải, từ trên xuống dưới, từ ngoài vào trong, bờ mép vết thương sắc gọn. Vết thương này do vật sắc nhọn gây nên là phù hợp.

Kết luận giám định số 3505/KL-KTHS ngày 17/5/2023 và Kết luận giám định số 3537/KL-KTHS ngày 19/5/2023 của V - Bộ C1 đối với mẫu máu của nạn nhân Lê Quảng L, xác định: Trong mẫu máu ghi thu của anh Lê Quảng L, gửi giám định có tìm thấy ethanol (cồn), nồng độ ethanol: 352mg/100ml máu.

Không tìm thấy các chất ma tuý và sản phẩm chuyển hoá trong mẫu máu ghi thu của nạn nhân Lê Quảng L gửi giám định.

Kết luận giám định số 3509/KL-KTHS ngày 21/6/2023 của V - Bộ C1, kết luận:

- Trên đôi dép gửi giám định có bám dính máu người và là máu của anh Lê Quảng L.

- Trên chiếc quần gửi giám định có bám dính ADN của một người nam giới khác không phải anh Lê Quảng L.

- Trên chiếc áo gửi giám định có bám dính ADN của anh Lê Quảng L và một người nam giới có ADN bám dính trên chiếc quần gửi giám định.

- Trên con dao gửi giám định có bám dính máu người. Không phân tích được kiểu gen (ADN) do chất lượng dấu vết kém.

- Dấu vết màu nâu nghi máu ghi thu trên xe đạp điện và dấu vết màu nâu nghi máu ghi thu tại đường N N phía trước cổng nhà anh Lê Quảng L đều là máu của anh Lê Quảng L.

Kết luận giám định số 413/KLGĐ ngày 27/11/2023 của Viện Pháp y tâm thần Trung ương đối với D2 kết luận: Trước, trong khi thực hiện hành vi phạm tội, bị can Nguyễn Văn D mắc bệnh rối loạn hành vi do trực tiếp sử dụng rượu/Hội chứng nghiện rượu. Theo phân loại bệnh Quốc tế lần thứ 10 năm 1992, bệnh có mã số F10.71/F10.2. Bị can đủ khả năng nhận thức, hạn chế khả năng điều khiển hành vi.

Công văn số 400/CV-KTHS ngày 25/11/2023 và Công văn số 07 ngày 17/01/2024 của Phòng K, Công an tỉnh H xác định: Thời gian nạn nhân Lê Quảng L tử vong tính đến thời điểm khám nghiệm hiện tử thi khoảng từ 04 - 06 giờ là phù hợp. Con dao thu giữ tại hiện trường có thể gây ra vết thương vùng cổ phải nạn nhân Lê Quảng L; việc D khai nhận tư thế, vị trí dùng dao đâm anh L như trên làm đứt động mạch cảnh phải của nạn nhân nên khi vật gây thương được rút ra máu sẽ theo chiều hướng của vật gây thương bắn ra ngoài cơ thể, khi đó chiều hướng máu phun có thể hoặc không bắn vào cơ thể, quần áo của bị can.

Kết luận giám định số 64 ngày 18/01/2024 của Phòng KTHS Công an tỉnh kết luận:

Các vết in hằn dạng vân đế giầy dép dính chất màu nâu nghi máu được mô tả, ghi nhận trong biên bản khám nghiệm hiện trường có đặc điểm giống với đặc điểm của mẫu vân thực nghiệm từ đế đôi dép thu được của Nguyễn Văn D

Các vết in hằn dạng vân lốp xe dính chất màu nâu nghi máu được mô tả, ghi nhận trong biên bản khám nghiệm hiện trường có đặc điểm giống với đặc điểm của mẫu vân thực nghiệm từ mặt lăn lốp xe đạp điện gửi đến giám định.

Tại Cáo trạng số 08/CT-VKS-P2 ngày 29/01/2024, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương truy tố bị cáo Nguyễn Văn D tội Giết người theo điểm n, e khoản 1 Điều 123 Bộ luật Hình sự và tội Cướp tài sản theo khoản 1 Điều 168 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa:

- Bị cáo khai nhận hành vi như cáo trạng đã truy tố và xác định sáng ngày 07/5/2023 chỉ có bị cáo và anh L ở nhà anh L, bị cáo đã dùng dao nhọn đâm vào vùng cổ của anh L. Sau khi đâm anh L bị cáo đã lấy điện thoại của anh L để gọi cấp cứu nhưng do say rượu nên không gọi được. Bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Người đại diện hợp pháp của bị cáo nhất trí với trình bày của bị cáo, đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

- Người bào chữa đồng ý với truy tố của Viện kiểm sát về tội danh Giết người cũng như các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo luận tội của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa. Luật sư không nhất trí truy tố bị cáo các tình tiết định khung theo điểm n, e khoản 1 Điều 123 Bộ luật Hình sự và tội danh Cướp tài sản. Đề nghị Hội đồng xét xử xét xử bị cáo tội Giết người theo khoản 2 Điều 123 Bộ luật Hình sự và áp dụng mức hình phạt từ 14-15 năm tù.

- Đại diện hợp pháp của bị hại đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng hình phạt theo quy định của pháp luật đối với bị cáo. Về trách nhiệm dân sự: Xác nhận gia đình bị cáo đã bồi thường cho đại diện bị hại 10.500.000 đồng; yêu cầu bị cáo phải tiếp tục bồi thường tiền tổn thất tinh thần và tiền cấp dưỡng cho cháu L1 theo quy định; chi phí mai táng phí gồm: tiền mai táng phí 80.730.000 đồng, tiền cỗ 90.000.000 đồng, chi phí phục vụ mai táng 20.000.000 đồng và tiền mua mộ 60.000.000 đồng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn D phạm tội Giết người.

- Về áp dụng pháp luật: Áp dụng điểm n,e khoản 1 Điều 123, khoản 1 Điều 168, điểm b, s, q khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 39, Điều 55, Điều 47, Điều 48 Bộ luật Hình sự; Điều 106, khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 584, Điều 585, Điều 591 Bộ luật Dân sự; Điều 26 Luật Thi hành án dân sự; Nghị quyết 02/2022/NQ-HĐTP ngày 06/9/2022 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

- Về hình phạt: Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn D tù Chung thân về tội Giết người và từ 36 đến 42 tháng tù về tội Cướp tài sản. Tổng hợp hình phạt buộc bị

cáo phải chấp hành cho cả 02 tội là tù Chung thân, thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ.

- Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo Nguyễn Văn D phải bồi thường cho đại diện hợp pháp của bị hại: Chi phí mai táng là từ 80.000.000 đến 90.000.000 đồng; tổn thất tinh thần tổng từ 162.000.000 đồng đến 180.000.000 đồng cho 05 người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của bị hại gồm ông T (bố đẻ anh L), chị N (vợ anh L) và 03 con của anh L là cháu Hoàng A2, Minh A2, Tùng L1; được đối trừ với số tiền 10.500.000 đồng bị cáo đã bồi thường; nghĩa vụ cấp dưỡng cho cháu Lê Hà Tùng L1 2.080.000 đồng/01 tháng kể từ tháng 5/2023 đến khi cháu L1 đủ 18 tuổi.

- Về vật chứng: Trả lại cho chị Hà Thị N 01 điện thoại di động của anh L; trả lại cho bị cáo D 01 xe đạp điện không mang biển kiểm soát, màu đen, nhãn hiệu Bridgestone (tiếp thục bảo thủ để thi hành án); Tịch thu cho tiêu hủy: Các mẫu máu màu nâu; các mảnh thủy tinh và 01 đế hình tròn kim loại màu trắng; 3 con dao; Các mảnh điện thoại gồm ốp và mặt, lõi điện thoại; 01 chiếc quần lửng cạp chun màu tím than; 01 áo phông cộc tay cổ tròn màu đen; 01 đôi dép có đế bằng nhựa màu đen;

- Về án phí: Buộc bị cáo Nguyễn Văn D phải chịu án phí hình sự, dân sự sơ thẩm và cấp dưỡng theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của các cơ quan điều tra, truy tố trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại giai đoạn điều tra, truy tố, phù hợp với lời khai của những người làm chứng, biên bản khám nghiệm tử thi, khám nghiệm hiện trường, kết luận giám định và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Do mâu thuẫn cãi và đánh nhau trong khi uống rượu, khoảng 07 giờ 30 phút, ngày 07/5/2023, tại nhà ở của anh Lê Quảng L, sinh năm 1970, ở số A N, P. N, TP ., tỉnh Hải Dương, Nguyễn Văn D đã sử dụng con dao nhọn (loại dao Thái Lan, lưỡi bằng kim loại màu trắng tổng chiều dài 20 cm) đâm vào vùng cổ anh Lê Quảng L. Hậu quả, anh L chết tại chỗ do vết thương vùng cổ phải làm đứt động

mạch cảnh phải, gây mất máu cấp. Sau đó D lấy chiếc điện thoại hiệu S1 A03 Core, trị giá 1.800.000 đồng của anh L để trên ghế sô pha ở phòng khách cho vào túi quần, rồi đi xe đạp điện của mình rời khỏi hiện trường.

Hành vi của bị cáo là đặc biệt nguy hiểm cho xã hội. Bị cáo và anh L trước đó không có mâu thuẫn gì lớn, do uống rượu dẫn đến cãi lộn nên bị cáo đã trực tiếp dùng dao là hung khí nguy hiểm đâm vào vùng cổ là vùng trọng yếu trên cơ thể để tước đoạt tính mạng của anh L; liền sau đó lợi dụng tình trạng anh L không thể bảo quản tài sản mà bị cáo đã lấy 01 điện thoại của anh L. Tại phiên tòa luật sư và bị cáo cho rằng bị cáo dùng điện thoại để gọi cấp cứu nhưng thực tế bị cáo không dùng điện thoại để liên lạc cấp cứu cho anh L ngay mà cho điện thoại vào túi quần và rời khỏi nhà anh L. Ngay khi bị cáo dịch chuyển chiếc điện thoại ra khỏi vị trí ban đầu tội phạm Cướp tài sản đã cấu thành. Mặc dù khi thực hiện hành vi giết người, D không nhằm mục đích để chiếm đoạt tài sản của anh L, nhưng D biết rõ chiếc điện thoại là tài sản sở hữu hợp pháp của anh L và đã lợi dụng tình trạng anh L đã chết do chính hành vi giết người của mình gây ra để chiếm đoạt tài sản của anh L. Bị cáo mặc dù bị hạn chế khả năng điều khiển hành vi nhưng vẫn đủ khả năng nhận thức nên buộc bị cáo phải nhận thức được những hành vi đó của bị cáo là vi phạm pháp luật. Hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội Cướp tài sản theo khoản 1 Điều 168 Bộ luật Hình sự và tội Giết người với tình tiết định khung là "Có tính chất côn đồ" và "Giết người mà ngay sau đó lại thực hiện một tội phạm rất nghiêm trọng" theo điểm e, n khoản 1 Điều 123 Bộ luật Hình sự. Do đó không có căn cứ chấp nhận ý kiến của luật sư; Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương truy tố bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và xét xử bị cáo đã thành khẩn khai báo, đã tác động để chị Kim A bồi thường một phần thiệt hại cho đại diện bị hại; thời điểm phạm tội bị cáo bị hạn chế khả năng điều khiển hành vi; sau khi phạm tội bị cáo ra đầu thú; bố bị cáo được tặng Huy chương kháng chiến nên bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, q, s, khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[4] Về nhân thân: Bị cáo cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền và tiền sự.

[5] Xét tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, cũng như nguyên nhân, động cơ, mục đích và hậu quả của tội phạm; Hội đồng xét xử thấy rằng: Đối với tội Giết người, hành vi của bị cáo là đặc biệt nghiêm trọng, thể hiện sự coi thường pháp luật nên cần áp dụng hình phạt tù không có thời hạn cách ly bị cáo hoàn toàn khỏi xã hội. Đối với tội Cướp tài sản cần xử mức hình

phạt tù có thời hạn, tương xứng với hành vi phạm tội mà bị cáo đã gây ra để đảm bảo sự nghiêm minh của pháp luật, như vậy mới có tác dụng răn đe phòng ngừa cho các hành vi tương tự. Do bị cáo phạm 02 tội nên Hội đồng xét xử áp dụng Điều 55 Bộ luật Hình sự để tổng hợp hình phạt đối với bị cáo.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo gây thiệt hại về tính mạng cho bị hại nên phải có trách nhiệm bồi thường cho đại diện bị hại. Do giữa bị cáo và đại diện hợp pháp của bị hại không thỏa thuận được mức bồi thường nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 584, Điều 585, Điều 591 Bộ luật Dân sự, Điều 48 Bộ luật Hình sự và Nghị quyết 02/2022/NQ-HĐTP ngày 06/9/2022 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của Bộ luật Dân sự về trách nhiệm bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng để xác định trách nhiệm bồi thường của bị cáo, cụ thể:

[6.1] Đối với chi phí mai táng bị hại: Đại diện bị hại yêu cầu bị cáo phải bồi thường tổng số tiền 250.730.000 đồng bao gồm: tiền mai táng phí 80.730.000 đồng, tiền cỗ 90.000.000 đồng, chi phí phục vụ mai táng 20.000.000 đồng và tiền mua mộ 60.000.000 đồng. Tuy nhiên theo quy định pháp luật, chi phí làm cỗ và mua mộ không được xác định là thiệt hại nằm trong chi phí mai táng. Đối với chi phí phục vụ mai táng đại diện bị hại yêu cầu 20.000.000 đồng mặc dù không có hóa đơn nhưng Hội đồng xét xử xem xét tình hình thực tế và chấp nhận chi phí này là 10.000.000 đồng. Tổng chi phí mai táng là: 80.730.000 đồng + 10.000.000 đồng = 90.730.000 đồng.

[6.2] Đối với tiền bù đắp tổn thất về tinh thần: Hành vi phạm tội của bị cáo gây tổn thất về tinh thần cho đại diện hợp pháp của bị hại nên cần buộc bị cáo phải bù đắp sự tổn thất này cho những người thân thuộc hàng thừa kế thứ nhất của anh L gồm: Ông Lê Xuân T (bố đẻ anh L), chị Hà Thị N (vợ anh L) và 03 con của anh L là cháu Lê Hoàng A2, Lê Hoàng Minh A2, Lê Hà Tùng L1 mức tương đương 100 tháng lương cơ sở do Nhà nước quy định là 180.000.000 đồng, mỗi người được hưởng 36.000.000 đồng.

Tổng số tiền bị cáo phải bồi thường cho đại diện hợp pháp bị hại là 270.730.000 đồng. Bị cáo đã tác động để gia đình bị cáo bồi thường trước số tiền 10.500.000 đồng, còn phải tiếp tục bồi thường 260.230.000 đồng.

[6.3] Đối với chi phí cấp dưỡng: Anh L có bố đẻ là ông Lê Xuân T hiện già yếu tuy nhiên anh L không sống cùng ông T nên bị cáo không phải cấp dưỡng cho ông T. Anh L có 01 con dưới 18 tuổi là cháu Lê Hà Tùng L1, sinh ngày 04/11//2011. Trước khi anh L chết, cháu L1 không sống cùng anh L mà sống với chị N tại Hưng Yên nên Hội đồng xét xử buộc bị cáo phải có trách nhiệm cấp dưỡng cho cháu L1 mỗi tháng tương đương 1/2 tháng lương tối thiểu

vùng tại thành phố H, tỉnh Hải Dương là 2.080.000 đồng/01 tháng, kể từ tháng 5/2023 đến khi cháu L1 đủ 18 tuổi.

[7] Về vật chứng: Căn cứ quy định tại Điều 47 Bộ luật Hình sự và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự: Chiếc xe đạp điện là tài sản của bị cáo không liên quan đến việc phạm tội nên cần trả lại cho bị cáo nhưng cần bảo thủ để đảm bảo cho việc thi hành; chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Samsung kèm sim là tài sản của anh L nên cần trả lại cho đại diện bị hại. Đối với những vật chứng còn lại không còn giá trị sử dụng, con dao dùng vào việc phạm tội và chị N không đề nghị nhận lại nên cần tịch thu cho tiêu hủy.

[8]. Về án phí: Bị cáo phạm tội và phải bồi thường dân sự, có nghĩa vụ cấp dưỡng nên phải chịu án phí hình sự, dân sự sơ thẩm, cấp dưỡng theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về áp dụng pháp luật: Căn cứ điểm n, e khoản 1 Điều 123, khoản 1 Điều 168, điểm b, s, q khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 39, Điều 55, Điều 47, Điều 48 Bộ luật Hình sự; Điều 106, khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 584, Điều 585, Điều 591 Bộ luật Dân sự; Điều 26 Luật Thi hành án dân sự; Nghị quyết 02/2022/NQ-HĐTP ngày 06/9/2022 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

2. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn D phạm tội "Giết người" và “Cướp tài sản”.

3. Về hình phạt: Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn D tù Chung thân về tội Giết người và 03 (Ba) năm tù về tội Cướp tài sản. Tổng hợp hình phạt buộc bị cáo phải chấp hành cho cả 02 tội là tù Chung thân, thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ 08/5/2023.

4. Về trách nhiệm dân sự:

4.1. Buộc bị cáo Nguyễn Văn D phải bồi thường cho đại diện hợp pháp của bị hại do chị Hà Thị N đại diện nhận gồm:

- Chi phí mai táng là 90.730.000 (Chín mươi triệu bảy trăm ba mươi nghìn) đồng.

- Bồi thường tổn thất tinh thần cho những người thân thích thuộc hàng thừa kế thứ nhất của anh L gồm: Ông Lê Xuân T (bố đẻ anh L), chị Hà Thị N (vợ anh L) và 03 con của anh L là cháu Lê Hoàng A2, Lê Hoàng Minh A2, Lê Hà Tùng L1 mỗi người 36.000.000 (Ba mươi sáu triệu) đồng.

Tổng số tiền bị cáo phải bồi thường là 270.730.000 đồng (Hai trăm bảy mươi triệu bảy trăm ba mươi nghìn) đồng, đối trừ với số tiền 10.500.000 (Mười triệu năm trăm nghìn) đồng bị cáo đã bồi thường. Buộc bị cáo phải tiếp tục bồi thường cho đại diện bị hại là 260.230.000 (Hai trăm sáu mươi triệu hai trăm ba mươi nghìn) đồng.

4.2. Buộc bị cáo Nguyễn Văn D phải có nghĩa vụ cấp dưỡng cho cháu Lê Hà Tùng L1 (sinh ngày 04/11/2011) 2.080.000 đồng/01 tháng, kể từ tháng 5/2023 đến khi cháu L1 đủ 18 tuổi.

4.3. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

5. Về vật chứng:

- Trả lại cho chị Hà Thị N 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy A03 Core màu đen và 01 sim điện thoại số 0896.643.625.

- Tịch thu cho tiêu hủy: 01 bộ quần áo (đựng trong 01 thùng cattong được niêm phong bên ngoài có dấu tròn đỏ của V Bộ C1); 01 đôi dép, 01con dao và các mẫu máu (đựng trong 01 thùng cattong được niêm phong bên ngoài có dấu tròn đỏ của Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an tỉnh H); 01 đế hình tròn kim loại màu trắng và các mảnh thủy tinh; 01 con dao lưỡi bằng kim loại màu trắng chuôi nhựa màu đen, trên chuôi có chữ KIWI; 01 con dao (dạng dao chặt) bằng kim loại màu trắng; Các mảnh điện thoại gồm ốp và mặt, lõi điện thoại bị vỡ.

- Tiếp tục bảo thủ của bị cáo D 01 xe đạp điện không mang biển kiểm soát, màu đen, nhãn hiệu Bridgestone tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương để đảm bảo cho việc thi hành án;

(Tình trạng, đặc điểm vật chứng theo Biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 06/02/2024 giữa Công an tỉnh H và Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương).

6. Về án phí: Buộc bị cáo Nguyễn Văn D phải chịu 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm, 13.011.500 (Mười ba triệu không trăm mười một nghìn năm trăm) đồng án phí dân sự sơ thẩm và 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí cấp dưỡng.

7. Về quyền kháng cáo: Bị cáo, đại diện hợp pháp của bị hại có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án

hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Hải Dương;
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- Trại tạm giam CA tỉnh Hải Dương;
- Cơ quan CSĐT - CA tỉnh Hải Dương;
- Phòng HSNV- CA tỉnh Hải Dương;
- Cục THADS tỉnh Hải Dương;
- Sở Tư pháp tỉnh Hải Dương;
- Bị cáo;
- Người bào chữa;
- Đại diện bị hại;
- Lưu: HS, THS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(ĐÃ KÝ)

Bùi Đăng Huy